

 nhà ga	 quầy làm thủ tục	check-in desk Tôi đã thấy quầy làm thủ tục. I saw the check-in desk. Lesson 169 · Flying	terminal Cô ấy đợi gần nhà ga sân bay. She waited near the airport terminal. Lesson 169 · Flying
 thẻ lên máy bay	 cổng	gate Cổng lên máy bay của chúng ta ở đâu? Where is the gate for our flight? Lesson 169 · Flying	boarding pass Đây là thẻ lên máy bay của tôi. This is my boarding pass. Lesson 169 · Flying
 kiểm tra an ninh	 hành lý xách tay	carry-on bag Anh ấy cũng có một chiếc hành lý xách tay. He has a carry-on bag as well. Lesson 169 · Flying	security check Bạn đã bao giờ trượt kiểm tra an ninh chưa? Have you ever failed a security check? Lesson 169 · Flying
 hành lý ký gửi	 nơi nhận hành lý	baggage claim Họ đang đợi ở nơi nhận hành lý. They wait at baggage claim. Lesson 169 · Flying	checked baggage Đây là hành lý ký gửi của tôi. This is my checked baggage. Lesson 169 · Flying

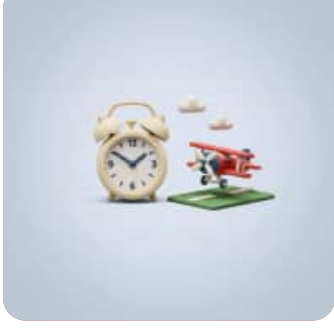
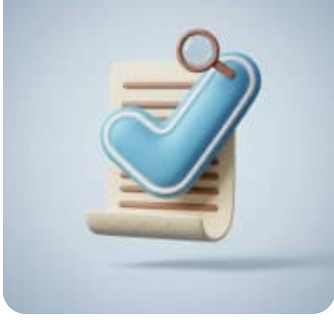
		customs Bạn phải đi qua hải quan. You must go through customs. Lesson 169 · Flying	passport control Kiểm soát hộ chiếu ở sân bay này nằm ở đâu? Where is the passport control in this airport? Lesson 169 · Flying
		turbulence Máy bay đã gặp một chút nhiễu động. The plane experienced some turbulence. Lesson 169 · Flying	seat belt Dây an toàn này giúp bạn được an toàn. This seat belt keeps you safe. Lesson 169 · Flying
		arrival board Hôm nay chúng tôi đã kiểm tra bảng thông tin chuyến bay đến. We checked the arrival board today. Lesson 168 · At the Station	departure board Bảng thông tin chuyến đi hiển thị các chuyến tàu. The departure board shows the trains. Lesson 168 · At the Station
		validate your ticket Bạn phải xác nhận vé ngay bây giờ. You must validate your ticket now. Lesson 168 · At the Station	ticket machine Cô ấy đã dùng máy bán vé rất nhanh. She used the ticket machine fast. Lesson 168 · At the Station
kiểm soát hộ chiếu	hải quan		
dây an toàn	nhiễu động		
bảng thông tin chuyến đi	bảng thông tin chuyến bay đến		
máy bán vé	xác nhận vé		

 tàu trực tiếp	 tàu tốc hành	express train Tàu tốc hành rất nhanh. An express train is very fast. Lesson 168 · At the Station	direct train Chuyến tàu trực tiếp đó sẽ đến rất sớm. That direct train arrives very soon. Lesson 168 · At the Station
 đổi tàu	 chuyến tàu cuối	last train Anh ấy đã lỡ chuyến tàu cuối về nhà. He missed the last train home. Lesson 168 · At the Station	change trains Chúng tôi đổi tàu tại nhà ga. We change trains at the station. Lesson 168 · At the Station
 chuyến tàu đầu tiên	 đặt chỗ	seat reservation Tôi cần đặt chỗ cho ngày mai. I need a seat reservation for tomorrow. Lesson 168 · At the Station	first train Họ đã bắt được chuyến tàu đầu tiên một cách dễ dàng. They caught the first train easily. Lesson 168 · At the Station
 ghế cạnh cửa sổ	 ghế lối đi	aisle seat Ghế lối đi rất tốt. The aisle seat is very good. Lesson 168 · At the Station	window seat Đó là ghế cạnh cửa sổ của tôi. That is my window seat. Lesson 168 · At the Station

 quầy lễ tân	 phòng đôi	double room Họ đã đặt một phòng đôi trên mạng. They booked a double room online. Lesson 170 · Hotels & Stays	reception Quầy lễ tân ở khách sạn rất nhiệt tình. The reception at the hotel is helpful. Lesson 170 · Hotels & Stays
 phòng đơn	 thẻ từ	key card Đây là thẻ từ của tôi. This is my key card. Lesson 170 · Hotels & Stays	single room Tôi đã đặt một phòng đơn ở đó. I booked a single room there. Lesson 170 · Hotels & Stays
 làm thủ tục nhận phòng	 thủ tục thanh toán	check-out Họ đang làm thủ tục thanh toán. They do their check-out now. Lesson 170 · Hotels & Stays	check-in Cô ấy đang làm thủ tục nhận phòng. She does her check-in now. Lesson 170 · Hotels & Stays
 dịch vụ phòng	 dịch vụ dọn phòng	housekeeping Khách sạn này cung cấp dịch vụ dọn phòng hàng ngày. This hotel offers daily housekeeping. Lesson 170 · Hotels & Stays	room service Ai đã nghe điện thoại ở dịch vụ phòng vậy? Who answered the phone at room service? Lesson 170 · Hotels & Stays

 không làm phiền	 điều hòa	air conditioning Căn phòng đó cần điều hòa. That room needs air conditioning. Lesson 170 · Hotels & Stays	do not disturb Xin đừng làm phiền vị khách đang ngủ. Do not disturb the sleeping guest. Lesson 170 · Hotels & Stays
 thang máy	 chỗ gửi hành lý	luggage storage Chỗ gửi hành lý giá bao nhiêu một ngày? How much is the luggage storage per day? Lesson 170 · Hotels & Stays	elevator Thang máy đi lên và đi xuống. The elevator goes up and down. Lesson 170 · Hotels & Stays
 chuyến tham quan có hướng dẫn	 hướng dẫn viên	tour guide Cô ấy đã cảm ơn hướng dẫn viên một cách lịch sự. She thanked the tour guide nicely. Lesson 174 · Sightseeing & Tours	guided tour Một chuyến tham quan có hướng dẫn cho chúng ta thấy các địa điểm. A guided tour shows us places. Lesson 174 · Sightseeing & Tours
 bảo tàng	 phòng tranh	art gallery Hôm nay họ đã đi thăm một phòng tranh. They visited an art gallery today. Lesson 174 · Sightseeing & Tours	museum Bảo tàng có nhiều cổ vật cũ. The museum has many old artifacts. Lesson 174 · Sightseeing & Tours

 nhà thờ lớn	 lâu đài	castle Cô ấy đã vẽ một bức tranh về một lâu đài. She drew a picture of a castle. Lesson 174 · Sightseeing & Tours	cathedral Nhà thờ lớn này có những tòa tháp rất cao. This cathedral has very tall towers. Lesson 174 · Sightseeing & Tours
 nhà thờ	 nhà thờ Hồi giáo	mosque Hôm nay họ đã đến thăm một nhà thờ Hồi giáo rất đẹp. They visited a beautiful mosque today. Lesson 174 · Sightseeing & Tours	church Một nhà thờ nằm ở trung tâm thành phố. A church is located in the city center. Lesson 174 · Sightseeing & Tours
 phí vào cửa	 giờ mở cửa	opening hours Giờ mở cửa của bạn là khi nào? What are your opening hours? Lesson 174 · Sightseeing & Tours	entry fee Hôm nay chúng tôi đã trả phí vào cửa. We paid the entry fee today. Lesson 174 · Sightseeing & Tours
 quà lưu niệm	 điểm hẹn	meeting point Anh ấy đã tìm thấy điểm hẹn một cách dễ dàng. He found the meeting point easily. Lesson 174 · Sightseeing & Tours	souvenir Món quà lưu niệm đó là từ chuyến đi của tôi. That souvenir is from my trip. Lesson 174 · Sightseeing & Tours

 lịch trình	 chuyến kết nối	connection Chúng ta không được bỏ lỡ chuyến kết nối này! We must not miss this connection! Lesson 175 · Travel Plans	itinerary Họ đã đi theo lịch trình chi tiết của mình. They followed their detailed itinerary. Lesson 175 · Travel Plans
 thời gian quá cảnh	 chuyển	transfer Cô ấy có thể chuyển sang một chuyến bay khác. She can transfer to another flight. Lesson 175 · Travel Plans	layover Hôm nay bạn có thời gian quá cảnh dài. You have a long layover today. Lesson 175 · Travel Plans
 giờ khởi hành	 giờ đến	arrival time Giờ đến là gần trưa. The arrival time is almost noon. Lesson 175 · Travel Plans	departure time Đó là giờ khởi hành bây giờ. That is the departure time now. Lesson 175 · Travel Plans
 xác nhận	 mã đặt chỗ	booking reference Tôi có thể tìm mã đặt chỗ của mình ở đâu? Where can I find my booking reference? Lesson 175 · Travel Plans	confirmation Họ cần một bản xác nhận chuyến bay. They need a flight confirmation. Lesson 175 · Travel Plans

 hủy	 thay đổi	change Bạn có thể thay đổi lịch đặt chỗ tại quầy. You can change the booking at the desk. Lesson 175 · Travel Plans	cancel Tôi phải hủy đặt chỗ ngay lập tức. I must cancel the booking at once. Lesson 175 · Travel Plans
 hành lý quá cước	 bảo hiểm du lịch	travel insurance Anh ấy cần bảo hiểm du lịch để đảm bảo an toàn. He needs travel insurance for safety. Lesson 175 · Travel Plans	extra baggage Hành lý quá cước có thể rất đắt. Extra baggage can be expensive. Lesson 175 · Travel Plans